

KẾ HOẠCH

Thông tin cơ sở năm 2024 triển khai Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 1381/QĐ-BTTTT ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển lĩnh vực Thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Kế hoạch hành động năm 2024 triển khai Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch Thông tin cơ sở năm 2024 triển khai Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ cần tập trung triển khai thực hiện trong năm 2024 theo Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển lĩnh vực Thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ nêu trong kế hoạch để thúc đẩy chuyên đổi số mạnh mẽ, phát triển mạng lưới thông tin cơ sở hiện đại trong năm 2024 và giai đoạn 2024-2025, nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp, phổ biến kịp thời thông tin thiết yếu đến người dân; phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền cơ sở.

2. Yêu cầu:

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, lộ trình thực hiện; tập trung các nguồn lực để thực hiện, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

- Phân công trách nhiệm thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các cơ quan, đơn vị, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

II. CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC THEO NĂM VÀ PHÂN CHIA CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG *(có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

III. PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Tổ chức thiết lập hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông :

- Đơn vị chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian hoàn thành: tháng 12/2024.
- Kết quả sản phẩm: Xã, phường, thị trấn có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động đến thôn, làng, tổ dân phố, khu dân cư.

2. Tổ chức duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- Đơn vị chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Đơn vị phối hợp: các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Kết quả sản phẩm: Trang thông tin điện tử của xã, phường, thị trấn được duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động, thường xuyên cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu và tương tác giữa chính quyền cơ sở với người dân.

3. Tổ chức thiết lập bảng tin điện tử công cộng của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

- Đơn vị chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Đơn vị phối hợp: các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian hoàn thành: tháng 12/2024.
- Kết quả sản phẩm: Xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 bảng tin điện tử công cộng để phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân bằng chữ viết, hình ảnh.

4. Tổ chức hiện đại hoá thiết bị kỹ thuật, công nghệ để số hoá sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện:

- Đơn vị chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Đơn vị phối hợp: các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2024.
- Kết quả sản phẩm: Cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện có năng lực sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

** Căn cứ tình hình thực tế phục vụ hoạt động sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện, các địa phương quyết định danh mục thiết bị cần đầu tư,*

mua sắm phù hợp với khuyến nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1175/BTTTT-TTCS ngày 10/4/2023 về việc khuyến nghị nội dung đầu tư và yêu cầu kỹ thuật tối thiểu của thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

5. Tổ chức thiết lập bảng tin điện tử công cộng của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Đơn vị chủ trì: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.
- Đơn vị phối hợp: các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2024.
- Kết quả sản phẩm: Huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 bảng tin điện tử công cộng cỡ lớn (màn hình LED, LCD) kết nối với Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh.

6. Tổ chức thiết lập Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để cung cấp thông tin thiết yếu và quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn:

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Đơn vị phối hợp: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2024.
- Kết quả sản phẩm: Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch.
- Chủ trì, tổ chức thiết lập Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để cung cấp thông tin thiết yếu và quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn.
- Tham mưu Ủy ban nhân dân xây dựng quy định về phối hợp cung cấp thông tin thiết yếu thuộc lĩnh vực quản lý của các sở, ngành địa phương trên Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh.
- Kiểm tra việc thực hiện công tác thông tin cơ sở tại địa phương theo quy định. Thực hiện tổng kết, báo cáo kết quả khi có yêu cầu.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phần III của Kế hoạch này. Đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch. Bố trí kinh phí đối ứng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, ngân sách của địa phương đầu tư phát triển và bảo đảm duy trì hoạt động thường xuyên hệ

thống thông tin cơ sở để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của địa phương trong thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch.

Các đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ Kế hoạch này và điều kiện thực tế để xây dựng kế hoạch cụ thể, phối hợp triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) trước ngày **06/12/2024** để tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Lịch

PHỤ LỤC

Chi tiêu chiến lược theo năm và phân cụ thể địa phương về Thông tin cơ sở năm 2024 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 1055 /KH-UBND ngày 06 /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

I. CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC THEO NĂM

Số TT	Nội dung chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Cấp xã					
1.1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có hệ thống truyền thanh hoạt động đến thôn, làng, tổ dân phố, khu dân cư	85%	86%	87%	92,3%	100%
1.2	Tỷ lệ chuyển đổi đài truyền thanh có dây/không dây FM sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	10%	17,5%	35%	51,2%	100%
1.3	Tỷ lệ phường, thị trấn có trang thông tin điện tử tại UBND cấp xã	100%	100%	100%	100%	100%
1.4	Tỷ lệ xã có trang thông tin điện tử tại UBND cấp xã	100%	100%	100%	100%	100%
1.5	Tỷ lệ phường, thị trấn có bảng tin điện tử công cộng	-	34,2%	34,2%	50%	100%
1.6	Tỷ lệ xã có bảng tin điện tử công cộng	-	4,4%	7,0%	16,5%	73,6%
2	Cấp huyện					
2.1	Tỷ lệ huyện, thị xã, thành phố có cơ sở truyền thông cấp huyện	100%	100%	100%	100%	100%
2.2	Tỷ lệ huyện, thị xã, thành phố có bảng tin điện tử công cộng cỡ lớn (màn hình LED, màn hình LCD) được kết nối với Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh		29,41%	29,41%	52,9%	100%
3	Cấp tỉnh					
	Có Hệ thống thông tin nguồn để cung cấp thông tin thiết yếu và quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh	-	-	-	100%	

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ PHÂN THEO ĐỊA PHƯƠNG

Số TT	Nội dung chỉ tiêu cụ thể	Tổng số đơn vị hành chính (hiện nay)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Cấp xã						
1	Xã, phường, thị trấn có hệ thống truyền thanh hoạt động đến thôn, bản, tổ dân phố, khu dân cư	Số xã, phường, thị trấn: 220	187 (85%)	189 (86%)	191 (87%)	203 (92,3%)	220 (100%)
1.1	Thành phố Pleiku	22	11	11	11	12	22
1.2	Thị xã An Khê	11	5	5	7	11	11
1.3	Thị xã Ayun Pa	8	4	4	4	4	8
1.4	Huyện Chư Păh	14	11	12	12	14	14
1.5	Huyện Chư Pưh	9	9	9	9	9	9
1.6	Huyện Chư Prông	20	20	20	20	20	20
1.7	Huyện Chư Sê	15	14	14	14	15	15
1.8	Huyện Đak Đoa	17	17	17	17	17	17
1.9	Huyện Đak Pơ	8	7	7	7	8	8
1.10	Huyện Đức Cơ	10	9	9	9	9	10
1.11	Huyện Ia Grai	13	12	12	12	12	13
1.12	Huyện Ia Pa	9	9	9	9	9	9
1.13	Huyện Kbang	14	13	14	14	14	14
1.14	Huyện Kông Chro	14	13	13	13	14	14
1.15	Huyện Krông Pa	14	13	13	13	14	14
1.16	Huyện Mang Yang	12	11	11	11	12	12
1.17	Huyện Phú Thiện	10	9	9	9	9	10
2	Số đơn vị chuyển đổi đài truyền thanh có dây/ không dây FM sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Số xã, phường, thị trấn: 220	19 (10%)	33 (17,5%)	66 (35%)	104 (51,2%)	220 (100%)
2.1	Thành phố Pleiku	22	0	0	0	2	22
2.2	Thị xã An Khê	11	0	0	4	8	11
2.3	Thị xã Ayun Pa	8	0	0	0	0	8

Số TT	Nội dung chỉ tiêu cụ thể	Tổng số đơn vị hành chính (hiện nay)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
2.4	Huyện Chư Păh	14	3	6	6	9	14
2.5	Huyện Chư Pưh	9	2	2	3	3	9
2.6	Huyện Chư Prông	20	2	7	14	14	20
2.7	Huyện Chư Sê	15	0	0	1	3	15
2.8	Huyện Đak Đoa	17	1	1	3	10	17
2.9	Huyện Đak Pơ	8	1	3	5	5	8
2.10	Huyện Đức Cơ	10	1	1	2	4	10
2.11	Huyện Ia Grai	13	2	2	4	7	13
2.12	Huyện Ia Pa	9	0	0	4	4	9
2.13	Huyện Kbang	14	1	2	3	5	14
2.14	Huyện Kông Chro	14	1	1	5	9	14
2.15	Huyện Krông Pa	14	1	3	7	8	14
2.16	Huyện Mang Yang	12	3	4	4	8	12
2.17	Huyện Phú Thiện	10	1	1	1	5	10
3	Phường, thị trấn có bảng tin điện tử công cộng	Số Phường, thị trấn: 38	-	13 (34,2%)	13 (34,2%)	19 (50%)	38 (100%)
3.1	Thành phố Pleiku	14		13	13	14	14
3.2	Thị xã An Khê	6		0	0	2	6
3.3	Thị xã Ayun Pa	4		0	0	0	4
3.4	Huyện Chư Păh	2		0	0	1	2
3.5	Huyện Chư Pưh	1		0	0	0	1
3.6	Huyện Chư Prông	1		0	0	0	1
3.7	Huyện Chư Sê	1		0	0	1	1
3.8	Huyện Đak Đoa	1		0	0	0	1
3.9	Huyện Đak Pơ	1		0	0	0	1
3.10	Huyện Đức Cơ	1		0	0	0	1
3.11	Huyện Ia Grai	1		0	0	0	1
3.12	Huyện Ia Pa	0		0	0	0	0
3.13	Huyện Kbang	1		0	0	1	1
3.14	Huyện Kông Chro	1		0	0	0	1
3.15	Huyện Krông Pa	1		0	0	0	1
3.16	Huyện Mang Yang	1		0	0	0	1
3.17	Huyện Phú Thiện	1		0	0	0	1

Số TT	Nội dung chỉ tiêu cụ thể	Tổng số đơn vị hành chính (hiện nay)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
4	Xã có bảng tin điện tử công cộng	Số xã: 182	-	8 (4,4%)	12 (7,0%)	30 (16,5%)	134 (73,6%)
4.1	<i>Thành phố Pleiku</i>	8		8	8	8	8
4.2	<i>Thị xã An Khê</i>	5		0	0	3	5
4.3	<i>Thị xã Ayun Pa</i>	4		0	0	0	3
4.4	<i>Huyện Chư Păh</i>	12		0	4	9	10
4.5	<i>Huyện Chư Pưh</i>	8		0	0	0	5
4.6	<i>Huyện Chư Prông</i>	19		0	0	0	14
4.7	<i>Huyện Chư Sê</i>	14		0	0	3	10
4.8	<i>Huyện Đak Đoa</i>	16		0	0	0	12
4.9	<i>Huyện Đak Pơ</i>	7		0	0	2	5
4.10	<i>Huyện Đức Cơ</i>	9		0	0	0	6
4.11	<i>Huyện Ia Grai</i>	12		0	0	0	9
4.12	<i>Huyện Ia Pa</i>	9		0	0	0	6
4.13	<i>Huyện Kbang</i>	13		0	0	0	8
4.14	<i>Huyện Kông Chro</i>	13		0	0	0	8
4.15	<i>Huyện Krông Pa</i>	13		0	0	0	8
4.16	<i>Huyện Mang Yang</i>	11		0	0	0	8
4.17	<i>Huyện Phú Thiện</i>	9		0	0	5	9

Số TT	Nội dung chỉ tiêu cụ thể	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
II	Cấp huyện					
	Số bảng tin điện tử công cộng cỡ lớn (màn hình LED, màn hình LCD) của cấp huyện được kết nối với Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	-	5 (29,41%)	5 (29,41%)	9 (52,9%)	19 (100%)
1	<i>Thành phố Pleiku</i>	-	1	1	2	3
2	<i>Thị xã An Khê</i>	-	0	0	1	1
3	<i>Thị xã Ayun Pa</i>	-	0	0	0	1
4	<i>Huyện Chư Păh</i>	-	0	0	1	1
5	<i>Huyện Chư Pưh</i>	-	0	0	1	1

Số TT	Nội dung chỉ tiêu cụ thể	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
6	<i>Huyện Chư Prông</i>	-	1	1	1	1
7	<i>Huyện Chư Sê</i>	-	0	0	0	1
8	<i>Huyện Đak Đoa</i>	-	1	1	1	1
9	<i>Huyện Đak Pơ</i>	-	0	0	0	1
10	<i>Huyện Đức Cơ</i>	-	1	1	1	1
11	<i>Huyện Ia Grai</i>	-	0	0	0	1
12	<i>Huyện Ia Pa</i>	-	0	0	0	1
13	<i>Huyện Kbang</i>	-	0	0	0	1
14	<i>Huyện Kông Chro</i>	-	0	0	0	1
15	<i>Huyện Krông Pa</i>	-	1	1	1	1
16	<i>Huyện Mang Yang</i>	-	0	0	0	1
17	<i>Huyện Phú Thiện</i>	-	0	0	0	1